TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:12/2019/HNGĐ-ST Ngày: 11-6-2019 V/v "Ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hòa,

Ông Nguyễn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện D - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 455/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích V - Sinh năm: 1993, "có mặt"

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T2, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở: Tổ dân phố P 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa,

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh N - Sinh năm: 1995, "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn T2, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 05/12/2018, bản tự khai ngày 03/01/2019, nguyên đơn bà Trần Thị Bích V trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh Ntự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ- huyện

D vào ngày 17/02/2016. Bà và ông N không cùng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, chung sống không hạnh phúc. Bà không còn chung sống với ông N từ tháng 07/2018 cho đến nay, không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Minh C (sinh ngày 05/6/2016). Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V xác định không có nợ chung và tài sản chung với ông N.

Tại bản tự khai ngày 07/01/2019, bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày: Ông và bà Trần Thị Bích V chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2016. Ông và bà V phát sinh mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc, hai bên không khắc phục được mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ tháng 07/2018 cho đến nay. Nay bà V yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà V. Ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung. Ông và bà V không có tài sản chung và nợ chung.

Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông Nguyễn Minh N nhưng ông N không đến Tòa để Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải.

Tại phiên tòa, bà V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ với mức cấp dưỡng nêu trên kể từ tháng 7/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Minh N vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Bích V và ông Nguyễn Minh N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà V và ông N xác định có mâu thuẫn trong thời gian chung sống và không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2018 đến nay, hai bên không khắc phục được mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Ông N có đến Tòa án trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà V nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà V, ông N đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Bích V được ly hôn với ông Nguyễn Minh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét yêu cầu nuôi con chung: Bà V, ông N đều yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Ngọc Minh C (sinh ngày 05/6/2016) nhưng ông N không cung cấp chứng cứ gì khác để chứng minh bà V không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung; trong khi, con chung của bà V và ông N là con gái, hơn 03 (Ba) tuổi, bà V có việc làm và hiện đang ở tại nhà mẹ ruột tại Thị trấn D nên cần giao cho bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 7/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông N xác định có nghề nghiệp là tài xế nên có mức thu nhập ổn định, nghĩa vụ nuôi con chung là cả cha và mẹ nên cần buộc ông N cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu nêu trên của bà V là phù hợp.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông N xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Bích V phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Minh N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Bích V. Bà Trần Thị Bích V được ly hôn ông Nguyễn Minh N.

2. Về con chung:

- Giao con chung Nguyễn Ngọc Minh C (sinh ngày 05/6/2016) cho bà Trần Thị Bích V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Buộc ông Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con chung cho bà V theo định kỳ hàng tháng, mức cấp dưỡng: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi Nguyễn Ngọc Minh C đủ 18 (Mười tám) tuổi.

- Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Trần Thị Bích V, ông Nguyễn Minh N đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị Bích V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002435 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Do đó, bà V đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Minh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã Đ (nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Tín